

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH VĨNH LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 01 - 2023

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tư

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Tuấn Cường

2. Ông Nguyễn Thanh Bằng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Kim Ni - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 50/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Cao Thị Cà N**, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ 02 **ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long** (Vắng mặt)

Bị đơn: Ông **Lim Kwang P**, sinh năm 1974; nơi cư trú: 75 **J**, 75200 Melaka, Malaysia (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 30/3/2022, nguyên đơn **Cao Thị Cà N** trình bày như sau: Năm 2016 bà **N** và ông **Lim K** Poh quen nhau, sau đó hai bên tìm hiểu và yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại **quận M, bang M Malaysia**. Sau khi kết hôn vợ chồng về Việt Nam sinh sống và làm việc, khi chung sống với nhau vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp. Sau khi sống chung một thời gian ông **Lim Kwang P** về Malaysia sinh sống, từ đó vợ chồng ly thân cho đến nay. Nhận thấy hôn nhân giữa bà **N** và ông **L** Kwang Poh vô nghĩa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà **N** yêu cầu được ly hôn với ông **Lim Kwang P**.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn Lim Kwang Poh: Ngày 09/5/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long có Công văn số 49/TTTPDS-TA61 về việc tương trợ tư pháp với nội dung: Ủy

thác cho Cơ quan có thẩm quyền của Malaysia thực hiện tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông **Lim Kwang P**. Tuy nhiên, đến ngày mở phiên tòa xét xử, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long không nhận được kết quả ủy thác tư pháp của Cơ quan có thẩm quyền của Malaysia về việc tổng đạt hồ sơ ly hôn cho bị đơn Lim Kwang Poh và Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long không nhận được văn bản ý kiến và yêu cầu xin vắng mặt của bị đơn **L1**. Ngày 14/10/2022 và ngày 17/11/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long có công văn số 119/UTTPDS-TA61 và công văn số 131/UTTTDS-TA61 gửi Bộ Tư pháp về việc đề nghị Bộ Tư pháp thông báo về việc thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài đối với bị đơn **Lim K**, tuy nhiên đến hết thời gian quy định Bộ Tư pháp không có văn bản trả lời.

Ngày 17/11/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long có công văn số 21/TATND-CV gửi Ban đối ngoại - **D** đề nghị đăng tin thông báo cho bị đơn 03 lần trong 03 ngày liên tiếp nội dung thông báo cho bị đơn **L1** đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long dự phiên tòa vào ngày 13/12/2022 nếu bị đơn Lim Kwang Poh vắng mặt Tòa án sẽ mở lại phiên tòa vào ngày 04/01/2023 nhưng cả hai lần nêu trên bị đơn **L1** đều vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Lim Kwang Poh theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến khi giải quyết vụ án, đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Cao Thị Cà N**, cho bà **N** được ly hôn với ông **Lim Kwang P**; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét; bà **N** phải chịu án phí 300.000đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ hôn nhân giữa bà **Cao Thị Cà N** và ông **L** Kwang Poh là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại Điều 126 của Luật hôn nhân và gia đình của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn giữa công dân Việt Nam với đương sự là người nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam.

Nguyên đơn **Cao Thị Cà N** có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn Lim Kwang Poh: Ngày 09/5/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long có Công văn số 49/TTTPDS-TA61 về việc tương trợ tư pháp với nội dung: Ủy thác cho Cơ quan có thẩm quyền của Malaysia thực hiện tổng đạt thông báo thụ lý vụ

án cho ông **Lim Kwang P**. Tuy nhiên, đến ngày mở phiên tòa xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long không nhận được kết quả ủy thác tư pháp của Cơ quan có thẩm quyền của Malaysia về việc tổng đạt hồ sơ ly hôn cho bị đơn Lim Kwang Poh và Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long không nhận được văn bản ý kiến và yêu cầu xin vắng mặt từ bị đơn **L1**. Ngày 14/10/2022 và ngày 17/11/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long có công văn số 119/UTTPDS-TA61 và công văn số 131/UTTTDS-TA61 gửi Bộ Tư pháp về việc đề nghị Bộ Tư pháp thông báo về việc thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài đối với bị đơn **Lim K**, tuy nhiên đến hết thời gian quy định Bộ Tư pháp không có văn bản trả lời.

Ngày 17/11/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long có công văn số 21/TATND-CV gửi Ban đối ngoại - **D** đề nghị đăng tin thông báo cho bị đơn 03 lần trong 03 ngày liên tiếp nội dung thông báo cho bị đơn **L1** đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long dự phiên tòa vào ngày 13/12/2022 nếu bị đơn Lim Kwang Poh vắng mặt Tòa án sẽ mở lại phiên tòa vào ngày 04/01/2023 nhưng cả hai lần nêu trên bị đơn **L1** đều vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Lim Kwang Poh theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn, không giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung của bà **Cao Thị Cà N**, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Theo Trích lục ghi chú kết hôn số 63/TLGCKH-BS ngày 26/3/2018 thì bà **N** và ông **Lim Kwang P** đã đăng ký kết hôn tại **M** và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, do đó hôn nhân giữa bà **N** và ông **Lim Kwang P** là hợp pháp.

Bà **N** xác định sau khi kết hôn thì vợ chồng về Việt Nam sinh sống, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp. Sau một thời gian ông **Lim Kwang P** về Malaysia sinh sống, từ đó vợ chồng ly thân cho đến nay. Xét thấy, bà **N** và ông **L Kwang Poh** không còn quan tâm nhau, không chăm sóc, không giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình, hiện nay bà **N** sống ở Việt Nam còn ông **Lim K Poh** sống ở Malaysia, vợ chồng đã ly thân. Do bà **N** và ông **Lim Kwang P** vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cho bà **N** ly hôn ông **Lim Kwang P** là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: không yêu cầu, nên Tòa không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, nên Tòa không xem xét giải quyết.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí: Bà **N** phải chịu chi phí ủy thác tư pháp, chi phí đăng tin và án phí hôn nhân sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 19; Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 153; điểm a khoản 2 Điều 227; điểm đ

khoản 1 Điều 469; điểm c khoản 5 Điều 477; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **Cao Thị Cà N**.

- Về hôn nhân: cho bà **Cao Thị Cà N** được ly hôn với ông **Lim Kwang P**.
- Về con chung: không yêu cầu, nên Tòa không xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, nên Tòa không xem xét giải quyết.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí: bà **Cao Thị Cà N** phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0000117 ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, bà **Cao Thị Cà N** đã nộp đủ.

- Về chi phí tố tụng:

Bà **Cao Thị Cà N** phải chịu tiền lệ phí ủy thác tư pháp là 3.200.000đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp là 3.200.000đồng theo biên lai thu tiền số 0000135, 0000136 cùng ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, bà **Cao Thị Cà N** đã nộp đủ.

Bà **Cao Thị Cà N** phải chịu chi phí đăng tin thông báo là 2.000.000đồng (Hai triệu đồng), bà **Cao Thị Cà N** đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TANDCC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- CQTHADSTVL: 01;
- Đ/s: 02;
- UBND TXBM: 01;
- Lưu văn phòng: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Tư**